

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Đình	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Đình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Số: 574 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2013, từ trang 04 đến trang 25. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khả năng thanh toán bằng tiền cho các khoản nợ và vay ngắn hạn thấp, số dư các khoản vay của Công ty gấp 3,58 lần vốn chủ sở hữu, các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2012
			Trình bày lại	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		671.097.240.453	644.743.610.164
I. Tiền	110	6	39.450.703.116	9.048.755.082
1. Tiền	111		39.450.703.116	9.048.755.082
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	3.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.500.000.000	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.638.895.558	303.106.541.857
1. Phải thu khách hàng	131	7	193.844.258.263	249.729.132.005
2. Trả trước cho người bán	132	8	7.573.895.064	24.660.676.348
3. Các khoản phải thu khác	135	9	13.163.587.280	41.408.383.324
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.942.845.049)	(12.691.649.820)
IV. Hàng tồn kho	140	10	412.748.340.760	325.474.619.474
1. Hàng tồn kho	141		412.748.340.760	326.470.588.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(995.968.543)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.759.301.019	3.613.693.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.065.000	242.032.500
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.689.439.504	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.585.796.515	3.371.661.251
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		57.681.860.995	47.311.223.680
I. Tài sản cố định	220		52.091.883.123	42.558.915.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.033.834.668	41.325.080.493
- Nguyên giá	222		102.225.937.094	102.692.735.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.192.102.426)	(61.367.654.976)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.058.048.455	1.233.834.901
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.589.977.872	4.752.308.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.281.650.631	4.499.343.741
2. Tài sản dài hạn khác	268		308.327.241	252.964.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		728.779.101.448	692.054.833.844

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2012
			Trình bày lại	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300			589.893.973.558
I. Nợ ngắn hạn	310			579.871.721.377
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13		342.363.176.627
2. Phải trả người bán	312	14		75.204.316.018
3. Người mua trả tiền trước	313	15		34.190.837.325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16		19.062.270.080
5. Phải trả người lao động	315			11.720.804.769
6. Chi phí phải trả	316	17		38.655.398.688
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18		55.703.495.932
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			2.971.421.938
II. Nợ dài hạn	330			10.022.252.181
1. Vay và nợ dài hạn	334	19		9.113.161.272
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338			909.090.909
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400			95.634.069.945
I. Vốn chủ sở hữu	410	20		95.634.069.945
1. Vốn điều lệ	411			50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			5.397.093.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417			16.636.194.469
5. Quỹ dự phòng tài chính	418			2.915.810.367
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			10.856.971.994
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			6.526.790.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440			692.054.833.844
				728.779.101.448

Lê Thị Oanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng



Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011 Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	626.624.418.842	823.632.362.673
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		626.624.418.842	823.632.362.673
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	565.455.309.122	743.868.773.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.169.109.720	79.763.588.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		729.032.200	910.304.595
7. Chi phí tài chính	22		35.919.433.212	38.056.239.891
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.919.433.212	38.056.239.891
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.997.691.852	29.646.595.913
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		6.981.016.856	12.971.057.512
10. Thu nhập khác	31		2.679.385.765	3.959.382.663
11. Chi phí khác	32		825.017.555	456.284.808
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.854.368.210	3.503.097.855
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.835.385.066	16.474.155.367
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.064.766.090	4.118.538.843
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.770.618.976	12.355.616.524
Phân phối cho:				
15.1. Cổ đông của Công ty mẹ			7.463.743.543	11.490.860.751
15.2. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(693.124.567)	864.755.773
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.493	2.298

Lê Thị Oanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng



Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011 Trình bày lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.835.385.066	16.474.155.367
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.580.552.550	7.832.158.222
Các khoản dự phòng	03	2.744.773.314	10.302.496.981
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(779.032.200)	(3.005.444.626)
Chi phí lãi vay	06	35.919.433.212	38.056.239.891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.301.111.942	69.659.605.835
Thay đổi các khoản phải thu	09	(95.490.126.302)	(4.815.879.676)
Thay đổi hàng tồn kho	10	86.277.752.743	(82.876.507.450)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(120.104.946.361)	8.385.654.582
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.137.901.697	(1.565.284.578)
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.301.592.212)	(37.708.356.346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.236.458.844)	(4.191.445.733)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.145.362.696	346.163.308
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.410.396.398)	(5.721.468.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(107.681.391.039)	(58.487.518.192)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.436.147.128)	(22.746.397.532)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	50.000.000	2.121.943.636
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(3.500.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	729.032.200	909.600.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(657.114.928)	(23.214.853.011)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	429.244.583.454	503.086.805.272
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(345.288.025.521)	(408.251.369.467)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(6.020.000.000)	(7.898.135.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	77.936.557.933	86.937.300.805
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.401.948.034)	5.234.929.602
Tiền tồn đầu năm	60	39.450.703.116	34.215.773.514
Tiền tồn cuối năm	70	9.048.755.082	39.450.703.116


Lê Thị Oanh
Người lập biểu


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng




Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, mặc dù tài sản lưu động của Công ty vẫn lớn hơn công nợ ngắn hạn và Công ty vẫn đang có lãi, nhưng khả năng thanh toán bằng tiền cho các khoản nợ và vay ngắn hạn thấp và số dư các khoản vay của Công ty gấp 3,58 lần vốn chủ sở hữu, các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi thành công các khoản phải thu khách hàng và kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty cam kết Công ty đủ khả năng tạo ra đủ dòng tiền để thanh toán nợ và các khoản vay đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại biên bản kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.599.724.903)	(10.942.845.049)	(4.343.120.146)	(1)
Hàng tồn kho	412.413.923.166	412.748.340.760	334.417.594	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	(55.127.380.083)	(52.192.102.426)	2.935.277.657	(3)
Chi phí trả trước dài hạn	5.761.650.631	5.281.650.631	(480.000.000)	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.001.585.341	6.613.229.117	(388.356.224)	(5)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.153.281.422	11.988.212.751	(1.165.068.671)	(6)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm 2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Giá vốn hàng bán	747.138.469.203	743.868.773.952	(3.269.695.251)	(7)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.823.475.767	29.646.595.913	4.823.120.146	(1)
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.506.895.067	4.118.538.843	(388.356.224)	(5)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.520.685.195	12.355.616.524	(1.165.068.671)	(6)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (Tiếp theo)****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm 2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế	18.027.580.262	16.474.155.367	(1.553.424.895)	(8)
Khấu hao tài sản cố định	10.767.435.879	7.832.158.222	(2.935.277.657)	(8)
Các khoản dự phòng	5.959.376.835	10.302.496.981	4.343.120.146	(8)
Thay đổi hàng tồn kho	(82.542.089.856)	(82.876.507.450)	(334.417.594)	(8)
Thay đổi chi phí trả trước	(2.045.284.578)	(1.565.284.578)	480.000.000	(8)

Chi tiết các bút toán điều chỉnh như sau:

- (1) Tăng dự phòng phải thu khó đòi và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp do trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi của một số công trình, đồng thời giảm một số khoản đã trích lập dự phòng do chưa có biên bản đối chiếu công nợ.
- (2) Tăng hàng tồn kho (giảm giá vốn) do kết chuyển giá vốn vượt so với tỷ lệ của hợp đồng giao khoán - Công trình Trung tâm thương mại Chợ Mơ.
- (3) Giảm khấu hao tài sản cố định hữu hình (giảm giá vốn) do Công ty trích khấu hao của một số tài sản chưa đúng quy định.
- (4) Giảm chi phí trả trước dài hạn do phân bổ giá trị thương hiệu Vinaconex chưa đúng.
- (5) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán.
- (6) Giảm lợi nhuận chưa phân phối do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán.
- (7) Giảm giá vốn do bút toán điều chỉnh số (2) và (3).
- (8) Điều chỉnh báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do ảnh hưởng của các bút toán từ số (1) đến số (6).

6. TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	116.748.327	910.403.701
Tiền gửi ngân hàng	8.932.006.755	38.540.299.415
	9.048.755.082	39.450.703.116

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	150.345.456.588	146.424.091.417
Phải thu các đối tượng khác	99.383.675.417	47.420.166.846
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	16.052.713.241	19.522.622.893
Nhà máy Xi măng Sông Gianh Quảng Bình	2.766.271.314	2.766.271.314
Công ty TNHH MTV Than Hạ Long	9.397.759.844	692.593.097
Nhà máy Giấy Bãi Bằng	4.879.955.742	4.879.955.742
Công ty Cổ phần Điện VIETRACIMEX Lào Cai	14.754.929.971	-
Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng	3.596.603.207	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bim Sơn	3.391.476.826	1.324.045.034
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Tây	8.490.200.000	1.170.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim	14.798.190.017	1.009.793.222
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam	5.571.357.785	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	2.899.015.357	1.611.195.464
Các đối tượng khác	12.785.202.113	14.442.790.080
	249.729.132.005	193.844.258.263

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước các bên liên quan	-	348.807.785
Trả trước các đối tượng khác	24.660.676.348	7.225.087.279
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Phú Quý</i>	<i>1.206.266.820</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại TP HCM</i>	<i>1.248.535.200</i>	-
<i>Công ty TNHH Sunwood Vina</i>	<i>1.591.300.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Tháp Đôi</i>	<i>2.046.367.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam</i>	<i>661.213.396</i>	-
<i>Doanh nghiệp vận tải Sơn Linh</i>	<i>400.186.000</i>	<i>400.186.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng NN và PTNT 1 Thanh Hóa</i>	<i>-</i>	<i>1.034.257.158</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng ACCO</i>	<i>12.000.000.000</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>5.506.807.932</i>	<i>5.790.644.121</i>
	<u>24.660.676.348</u>	<u>7.573.895.064</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ứng trước cho các đội xây dựng	32.360.744.677	11.994.026.148
Phải thu khác	9.047.638.647	1.169.561.132
	<u>41.408.383.324</u>	<u>13.163.587.280</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.590.795.170	5.650.590.812
Công cụ, dụng cụ	1.137.018.037	299.009.054
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	320.742.774.810	406.798.740.894
	<u>326.470.588.017</u>	<u>412.748.340.760</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(995.968.543)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>325.474.619.474</u>	<u>412.748.340.760</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	16.836.058.462	46.385.037.470	14.698.553.905	24.306.287.257	102.225.937.094
Mua trong năm	19.082.919	709.481.819	-	143.233.637	871.798.375
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(405.000.000)	-	(405.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	16.855.141.381	47.094.519.289	14.293.553.905	24.449.520.894	102.692.735.469
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	4.427.305.418	27.613.556.284	10.966.379.591	9.184.861.133	52.192.102.426
Trích khấu hao trong năm	564.916.468	5.344.692.336	1.464.076.599	2.206.867.147	9.580.552.550
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(405.000.000)	-	(405.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	4.992.221.886	32.958.248.620	12.025.456.190	11.391.728.280	61.367.654.976
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	11.862.919.495	14.136.270.669	2.268.097.715	13.057.792.614	41.325.080.493
Tại ngày 31/12/2011	12.408.753.044	18.771.481.186	3.732.174.314	15.121.426.124	50.033.834.668

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 25.132.406.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 24.666.284.412 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 19, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.018.765.003 đồng (năm 2011: 33.660.093.175 đồng) để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, có tổng vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101295134 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại công ty con này là 510.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 51%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ số vốn đã cam kết, với tổng số tiền là 3.591.340.115 đồng.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	335.854.965.199	243.951.767.266
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	6.508.211.428	7.886.640.000
	342.363.176.627	251.838.407.266

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 12%/năm đến 17,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	207.158.173.890	152.610.776.923
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bim Sơn	103.368.075.573	75.899.506.721
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	25.328.715.736	15.441.483.622
	335.854.965.199	243.951.767.266

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	32.689.718.564	37.014.378.505
Phải trả các đối tượng khác	42.514.597.454	87.081.222.197
<i>Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty cổ phần</i>	<i>1.154.489.000</i>	<i>1.654.489.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu</i>	<i>3.915.619.775</i>	-
<i>Công ty TNHH Tân Tiến</i>	<i>1.350.569.450</i>	<i>190.715.450</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị và xây dựng 142</i>	<i>1.760.353.965</i>	<i>14.225.965</i>
<i>Công ty TNHH Hải Minh</i>	<i>1.311.423.550</i>	<i>568.213.630</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Quang I</i>	<i>5.397.536.291</i>	<i>1.324.901.259</i>
<i>Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp</i>	<i>6.001.402.900</i>	<i>26.591.860.405</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Tuấn Phong</i>	<i>1.235.940.530</i>	<i>1.130</i>
<i>Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại</i>	<i>2.845.545.099</i>	<i>15.637.047.965</i>
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật SanteK</i>	<i>1.249.690.285</i>	-
<i>Công ty TNHH Cốt liệu và Bê tông</i>	<i>1.306.826.919</i>	-
<i>Công ty TNHH XD và DV TM Tấn Phát</i>	-	<i>5.002.250.895</i>
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 13</i>	<i>58.724.686</i>	<i>5.558.724.686</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>14.926.475.004</i>	<i>30.538.791.812</i>
	75.204.316.018	124.095.600.702

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nhận trước từ các bên liên quan	12.515.421.254	60.010.103.542
Nhận trước từ các đối tượng khác	21.675.416.071	51.895.168.196
<i>Văn phòng kết hợp Khách sạn số 47 Quán Thánh</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ĐT và PT đô thị Thăng Long</i>	<i>3.262.443.000</i>	<i>3.262.443.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn</i>	<i>2.157.465.664</i>	<i>12.775.061.929</i>
<i>Tập đoàn Viễn thông Quân đội</i>	<i>5.740.000.000</i>	-
<i>Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm và Hỗ trợ ngành ong</i>	<i>3.499.751.400</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>5.015.756.007</i>	<i>33.857.663.267</i>
	34.190.837.325	111.905.271.738

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.343.787.645	3.940.965.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.277.380.199	2.449.072.953
Thuế thu nhập cá nhân	441.102.236	223.190.344
	19.062.270.080	6.613.229.117

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí kiểm toán	102.700.000	123.847.080
Chi phí trích trước các công trình	37.027.485.993	24.239.908.025
Chi phí lãi vay	617.841.000	649.429.970
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	907.371.695	4.003.026.499
Chi phí trích trước khác	-	533.927.690
	<u>38.655.398.688</u>	<u>29.550.139.264</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả các đội xây dựng	44.116.635.007	62.436.576.272
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	4.618.042.626	1.401.480.484
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	12.167.582
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.968.818.299	737.144.676
	<u>55.703.495.932</u>	<u>64.587.369.014</u>

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	14.701.732.700	21.353.732.700
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	919.640.000	2.214.280.000
	<u>15.621.372.700</u>	<u>23.568.012.700</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cầu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 10,5%/năm đến 19%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	6.508.211.428	7.886.640.000
Trong năm thứ hai	5.417.142.858	6.739.640.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.696.018.414	8.941.732.700
	<u>15.621.372.700</u>	<u>23.568.012.700</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	6.508.211.428	7.886.640.000
(được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	<u>9.113.161.272</u>	<u>15.681.372.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.495.749	117.425	17.320.148.776	2.327.731.740	12.987.584.000	93.689.077.690
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.490.860.751	11.490.860.751
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	(4.171.597.366)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	586.285	-	-	39.303.150	39.889.435
Trích các quỹ	-	-	-	-	3.731.099.242	543.076.227	(4.274.175.469)	-
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chia quỹ	-	-	-	-	(182.800.000)	-	-	(182.800.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.195.859.681)	(1.195.859.681)
Giảm khác	-	-	-	(703.710)	-	-	(59.500.000)	(60.203.710)
Số dư tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.696.850.652	2.870.807.967	11.988.212.751	96.780.964.485
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7.463.743.543	7.463.743.543
Trích các quỹ	-	-	-	-	57.041.817	45.002.400	(102.044.217)	-
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(117.698.000)	-	-	(117.698.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.433.440.083)	(1.433.440.083)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(59.500.000)	(59.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.636.194.469	2.915.810.367	10.856.971.994	95.634.069.945

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ có 5.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ tức và trích các quỹ**

Trong năm, Công ty và công ty con đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2012		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51,00%	25.500.000.000	2.550.000	51,00%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49,00%	24.500.000.000	2.450.000	49,00%	24.500.000.000
	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp, cung cấp hàng hóa và dịch vụ có liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp, cung cấp hàng hóa và dịch vụ có liên quan. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	590.391.549.896	794.407.155.123
Doanh thu khác	36.232.868.946	29.225.207.550
	626.624.418.842	823.632.362.673

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	530.667.733.004	716.376.890.344
Giá vốn khác	34.787.576.118	27.491.883.608
	565.455.309.122	743.868.773.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.463.743.543	11.490.860.751
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.493	2.298

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	306.319.110.274	605.793.670.434
Chi phí nhân công	150.985.317.095	147.908.595.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.580.552.550	10.767.435.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.319.221.874	54.256.884.785
Chi phí khác bằng tiền	15.234.721.275	23.379.185.602
Các khoản dự phòng	3.495.284.187	6.591.160.462
	502.934.207.255	848.696.932.765

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và số 19, trừ số dư tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	351.476.337.899	267.519.779.966
Trừ: Tiền	9.048.755.082	39.450.703.116
Nợ thuần	342.427.582.817	228.069.076.850
Vốn chủ sở hữu	95.634.069.945	96.780.964.485
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,58	2,36

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	9.048.755.082	39.450.703.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.445.865.509	196.065.000.494
Đầu tư ngắn hạn khác	3.500.000.000	3.500.000.000
Tài sản tài chính khác	1.191.714.545	3.424.327.241
Tổng cộng	292.186.335.136	242.440.030.851
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	351.476.337.899	267.519.779.966
Phải trả người bán và phải trả khác	126.289.769.324	188.682.969.716
Chi phí phải trả	38.655.398.688	29.550.139.264
Tổng cộng	516.421.505.911	485.752.888.946

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Công ty đánh giá rằng chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn rủi ro tiềm ẩn do thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng hoặc giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm hoặc tăng 7.029.526.758 đồng (2011: 5.350.395.599 đồng).

	2012	2011
	VND	VND
Khoản vay có lãi suất thả nổi	351.476.337.899	267.519.779.966
Số điểm cơ bản 200 điểm (2%) thay đổi	2%	2%
Lãi tương ứng (độ nhạy)	7.029.526.758	5.350.395.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một số khoản phải thu khó đòi của một số khách hàng với số dư là 17.065.915.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 11.965.541.401 đồng. Ngoài các khoản phải thu khó đòi nêu trên, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính không bao gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	9.048.755.082	-	9.048.755.082
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.445.865.509	-	278.445.865.509
Đầu tư ngắn hạn khác	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Tài sản tài chính khác	938.750.000	252.964.545	1.191.714.545
	291.933.370.591	252.964.545	292.186.335.136
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	342.363.176.627	9.113.161.272	351.476.337.899
Phải trả người bán và phải trả khác	126.289.769.324	-	126.289.769.324
Chi phí phải trả	38.655.398.688	-	38.655.398.688
	507.308.344.639	9.113.161.272	516.421.505.911
Chênh lệch thanh khoản thuần	(215.374.974.048)	(8.860.196.727)	(224.235.170.775)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	39.450.703.116	-	39.450.703.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.065.000.494	-	196.065.000.494
Đầu tư ngắn hạn khác	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Tài sản tài chính khác	3.116.000.000	308.327.241	3.424.327.241
	242.131.703.610	308.327.241	242.440.030.851

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	251.838.407.266	15.681.372.700	267.519.779.966
Phải trả người bán và phải trả khác	188.682.969.716	-	188.682.969.716
Chi phí phải trả	29.550.139.264	-	29.550.139.264
	470.071.516.246	15.681.372.700	485.752.888.946
Chênh lệch thanh khoản thuần	(227.939.812.636)	(15.373.045.459)	(243.312.858.095)

Ban Giám đốc đánh giá có tập trung rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bán hàng	2012 VND	2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	120.809.301.259	136.070.657.612
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	12.160.453.088	150.111.413.982
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	40.343.269.250	102.727.585.690
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	12.863.427.073
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	15.367.049.090	-
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	39.072.635.858	1.629.054.868
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	858.986.975	156.266.750
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	3.145.938.422	-
BQL DA ĐTXD Hạ tầng công nghiệp Sông Đà Hà Nội	-	-
Công ty Cổ phần Vimeco	67.989.833.826	16.521.231.795
BĐH thi công Giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	5.913.080.824	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Mua hàng trong năm	2012	2011
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	400.720.201	14.596.900
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	61.051.978.662	5.446.074.450
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	29.869.097.528	41.833.962.043
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	9.639.969.596	27.547.837.727
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	2.431.885.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	38.531.264	3.290.189.929
Công ty Cổ phần Vimeco	61.051.978.662	42.872.575.478

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu		
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	19.002.943.072	10.641.345.152
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	1.385.750.946	-
BĐH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	400.920.188	852.849.085
Ban QLDA xây dựng hệ thống nước Sông Đà	-	690.836.857
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	1.454.466.478	1.489.466.478
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	857.974.828	857.974.828
Công ty Cổ phần ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	1.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTXD và KT Vinaconex	-	1.297.316.851
Công ty Cổ phần Vimeco	23.669.769.959	2.058.462.779
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.436.948.354	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	18.024.875.381	24.915.092.420
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	23.571.125.084	59.918.766.632
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	47.613.337.811	37.701.980.335
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	10.875.920.487	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	51.424.000	-
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	109.409.169
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	227.663.617
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	11.734.999

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần ĐTXD&PT Hạ tầng Vinaconex 34	-	162.044.497
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	57.292.000	53.200.000
Công ty Cổ phần ĐTXD&KT Vinaconex	-	1.353.474.270
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	9.631.583.596	-
Công ty Cổ phần Vimeco	20.896.264.207	32.135.107.362
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	301.765.644	266.805.644
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	672.322.686	598.899.332
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	187.915.800	510.453.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	1.286.829.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 25	929.450.000	647.565.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	13.124.631	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Người mua trả trước		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	1.817.607.261	19.774.886.766
Ban Đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng Hòa Lạc	1.000.000.000	-
BĐH Thi công giai đoạn 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	-	4.747.523.700
Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Vinaconex	-	7.027.222.435
Công ty Cổ phần Vimeco	2.113.089.380	3.590.466.036
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.789.195.574	7.354.516.247
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	442.252.600	1.468.879.600
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	353.276.439	15.184.751.160
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	861.857.598

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	1.661.695.150	1.682.268.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước như trình bày tại Thuyết minh số 5.


Lê Thị Oanh
Người lập biểu


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng


Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

